VIETNAM DAILY REVIEW

Áp lực bán tại vùng 1,750 vẫn còn lớn, trạng thái giằng co đi ngang tiếp diễn

Thứ Hai, Ngày 16 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,736.89	1,844.25	254.91	122.13
▲ +1.96 (+0.11%)	▼ -0.66 (-0.04%)	▼ -0.07 (-0.03%)	▲ +0.74 (+0.61%)
GTKL (TỶ): 8,562	GTKL (TỶ): 4,318	GTKL (TỶ): 448	GTKL (TỶ): 229
SO TB20: -31.6%	SO TB20: -35.2%	SO TB20: -37.0%	SO TB20: -45.2%
NN (TỶ): +20.6	NN (TỶ): -73.2	NN (TỶ): -7.4	NN (TỶ): -0.8

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng nhẹ 1.96 điểm (+0.11%) và đóng cửa tại 1,736.89 điểm trong phiên hôm nay. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông giảm mạnh nhất, theo sau là Dịch vụ Tài chính và Hàng & Dịch vụ Công nghiệp. Ở chiều ngược lại, ngành Viễn thông có hiệu suất tốt nhất trong phiên, theo sau là Bất động sản và Bán lẻ. Về giao dịch khối ngoại, khối này mua ròng trên HSX và bán ròng trên HNX, UPCoM. Về mặt kỹ thuật, VN-Index hình thành cây nến có bóng trên dài, phản ánh áp lực từ chối giá tại vùng cản 1,750 điểm vẫn còn lớn. Trong những phiên tới, thị trường nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì trạng thái giằng co, tích lũy trong biên độ hẹp. Chỉ số sẽ cần thêm thời gian tích lũy quanh cụm trung bình động ngắn hạn SMA10 và SMA20 (vùng 1,730 – 1,738 điểm) trước khi xác định một xu hướng mới rõ ràng hơn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 16/11/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.96** điểm, đóng cửa tại 1,736.89 điểm. HNX-Index **-0.07** điểm, đóng cửa tại 254.91 điểm. UPCoM-Index **+0.74** điểm, đóng cửa tại 122.13 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (**+8.02**), MCH (**+1.76**), DMX (**+0.63**), LPB (**+0.56**), VHM (**+0.51**).
- Kéo chỉ số giảm: TCB (**-1.21**), VCB (**-1.04**), VPB (**-0.83**), TCX (**-0.48**), CTG (**-0.48**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 8,562 tỷ đồng, giảm 12.67% so với phiên trước và thấp hơn 31.6% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 11,899 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.3 điểm. Sàn HOSE có 99 mã tăng (0 mã trần), 88 mã tham chiếu, 220 mã giảm (5 mã sàn).
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 20.60 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VIC (**+116.78** tỷ), MSN (**+62.31** tỷ), KDH (**+41.27** tỷ), VNM (**+40.73** tỷ), LPB (**+33.36** tỷ). Đây là phiên mua ròng thứ 2 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-123,565** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-7.41** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-0.80** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
VIC	116.78	FPT	-163.24
MSN	62.31	VCB	-52.79
KDH	41.27	VPB	-39.14
VNM	40.73	BID	-37.44
LPB	33.36	ACB	-37.38

HOSE luỹ kế năm: **-123,565** tỷ 2 phiên mua ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,562	-0.40%	+2.51%
FTSE100	10,903	+0.36%	+2.14%
Eurostoxx	6,387	-0.19%	+3.51%
Shanghai	3,603	-0.87%	-1.59%
Nikkei	59,662	-2.42%	+1.51%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	94.93	-0.95%	+2.55%
Giá vàng	3,856	-0.73%	-6.85%
USD/VND	25,749	+0.16%	+0.88%
EUR/VND	28,332	+0.01%	-1.11%
JPY/VND	161	+0.27%	-0.14%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	0 bps	-0.2 bps
VN LS LNH 1M	5.80%	0 bps	+35.0 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	248.00	+2.06%	+8.02	1.97
MCH	130.00	+5.26%	+1.76	0.56
DMX	77.50	+3.20%	+0.63	1.03
LPB	37.15	+2.48%	+0.56	56.32
VHM	62.50	+0.48%	+0.51	4.02

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
TCB	21.30	-2.52%	-1.21	8.64
VCB	53.20	-1.12%	-1.04	3.22
VPB	21.70	-1.81%	-0.83	7.24
TCX	27.65	-2.47%	-0.48	1.73
CTG	31.20	-0.95%	-0.48	3.87

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
THD	92.70	+2.21%	+0.94	0.00
KSF	68.40	+0.59%	+0.18	0.08
OCH	7.80	+5.41%	+0.06	0.25
CAR	147.40	+10.00%	+0.05	0.00
TIG	2.90	+7.41%	+0.04	6.74

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NVB	15.60	-1.27%	-0.32	0.49
SHS	13.00	-1.52%	-0.20	5.50
CEO	11.70	-2.50%	-0.19	6.78
IDC	34.60	-1.14%	-0.14	0.49
MBS	15.80	-1.86%	-0.13	2.73

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	248.00	+2.06%	+4.45	1.97
MCH	130.00	+5.26%	+2.77	0.56
LPB	37.15	+2.48%	+1.69	56.32
SSB	15.40	+2.33%	+0.46	14.59
MSN	71.50	+0.42%	+0.43	2.63

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
TCB	21.30	-2.52%	-2.25	8.64
FPT	49.40	-1.40%	-1.83	6.58
VPB	21.70	-1.81%	-1.54	7.24
HDB	22.30	-1.33%	-1.09	15.25
MBB	19.00	-0.78%	-0.53	6.63

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
NAV	14.95	+6.79%	0.00
LM8	15.85	+6.73%	0.00
CCI	16.75	+6.69%	0.00
AAM	7.89	+6.62%	0.00
FUEIP100	13.29	+6.58%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
SFG	9.35	-6.97%	0.01
L10	41.45	-6.96%	0.04
DPG	31.45	-6.95%	1.23
PIT	8.05	-6.94%	0.01
YBM	9.00	-6.83%	0.00

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
CAR	147.40	+10.00%	0.00
D11	16.50	+10.00%	0.01
SEB	43.90	+9.75%	0.00
VBC	20.30	+9.73%	0.00
VLA	7.90	+9.72%	0.00

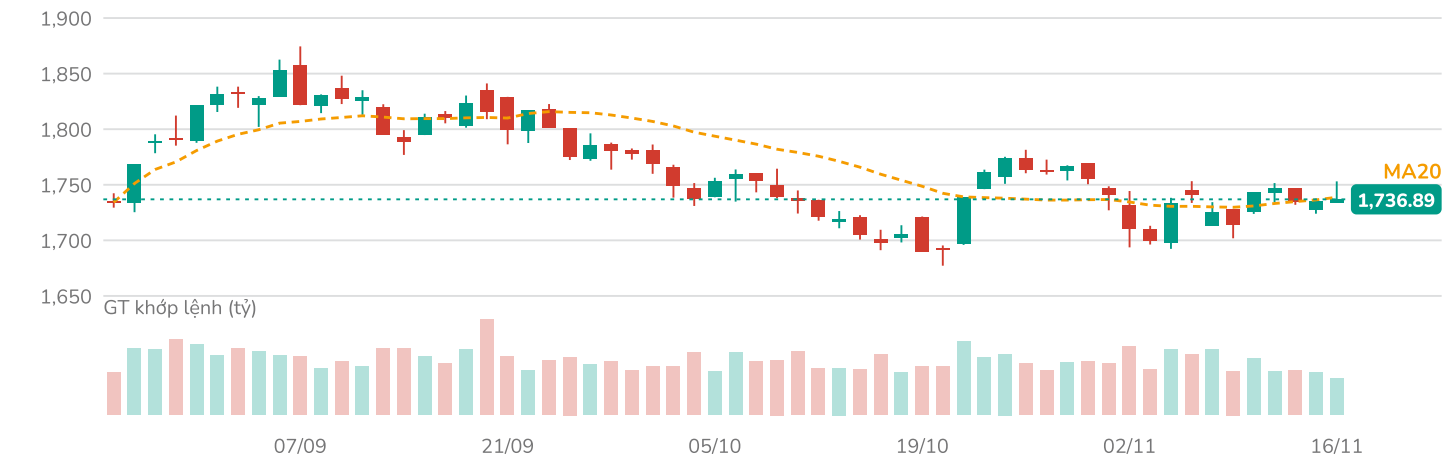
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
DS3	3.90	-9.30%	0.00
DC2	5.00	-9.09%	0.00
TSB	14.40	-8.86%	0.01
VIF	15.50	-8.82%	0.01
PTI	17.20	-8.51%	0.00

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

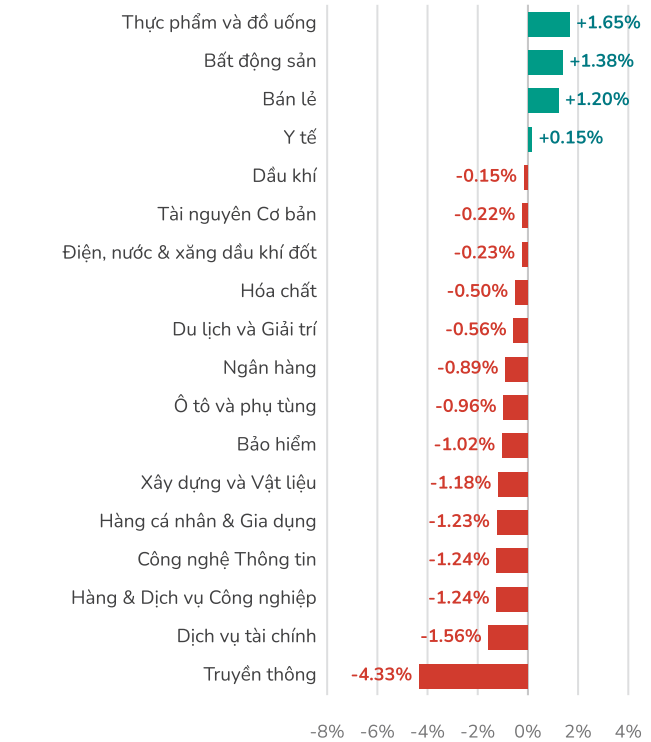
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,738.75 TB20 GT khớp lệnh: 12,512 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

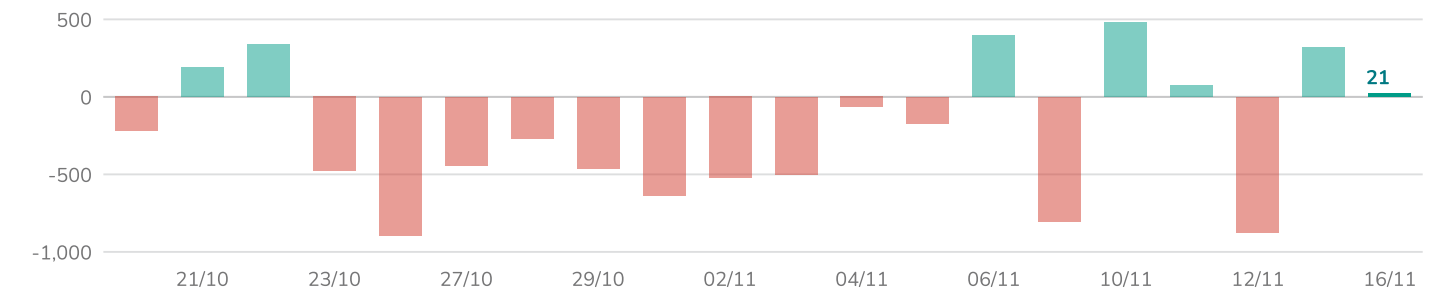
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Bất động sản	+1.38%	1,829	180.2
Thực phẩm và đồ uống	+1.65%	784	141.0
Bán lẻ	+1.20%	580	55.4
Dịch vụ tài chính	-1.56%	1,428	22.4
Dầu khí	-0.15%	183	20.6
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.23%	319	-13.7
Du lịch và Giải trí	-0.56%	254	-37.4
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.24%	522	-41.7
Ngân hàng	-0.89%	4,341	-146.4
Công nghệ Thông tin	-1.24%	340	-163.8

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	-0.04%	6,605	-73.2
VNMID	-1.21%	4,301	88.3
VNSML	-0.99%	778	-12.6

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

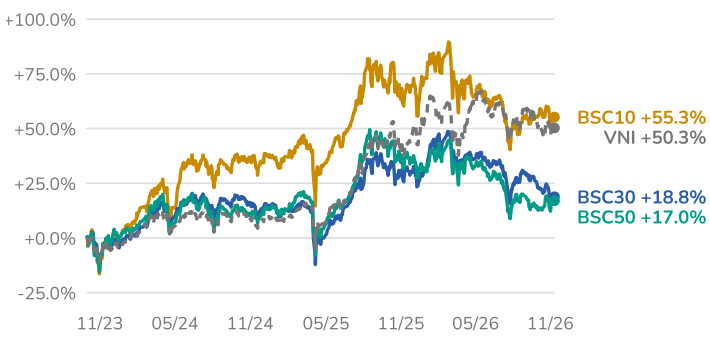
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.71%**. Các mã diễn biến tích cực: DBC (+2.18%), DCM (+1.49%), ACB (+0.49%).
- BSC50 **-1.18%**. Các mã diễn biến tích cực: DGW (+3.29%), LPB (+2.48%), VIC (+2.06%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-0.71%	-1.18%	+0.11%	-0.04%
1 tuần	-0.52%	+0.20%	+1.32%	+0.77%
1 tháng	-0.90%	+1.15%	+2.78%	+0.28%
3 tháng	-1.91%	-3.18%	+0.55%	-1.78%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	72.8	-0.27%	1.1	107,431	88.2	7,556	9.6	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.8	0.00%	0.9	25,239	21.6	1,859	14.4	42.4	6.1%	Link
KDH	Bất động sản	15.1	-3.82%	1.1	18,804	149.6	1,374	11.0	39.9	24.0%	Link
PDR	Bất động sản	11.3	-1.30%	1.2	11,325	52.6	540	21.0	28.2	7.0%	Link
VHM	Bất động sản	62.5	+0.48%	1.4	513,427	253.1	12,039	5.2	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	49.4	-1.40%	0.6	93,155	329.7	5,479	9.0	124.4	26.3%	Link
BSR	Dầu khí	25.4	+0.39%	–	127,436	114.1	5,584	4.6	–	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	28.7	0.00%	1.0	17,613	43.5	3,417	8.4	52.3	14.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	+0.22%	1.1	31,555	180.9	1,056	21.8	–	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.9	-1.73%	1.2	59,560	369.2	1,554	12.8	–	29.8%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	19.2	-2.04%	1.1	22,180	133.5	1,249	15.4	–	14.3%	Link
DCM	Hóa chất	30.6	+1.49%	1.0	16,226	49.6	5,132	6.0	53.3	7.0%	Link
DGC	Hóa chất	32.8	+0.15%	1.1	12,438	8.7	4,883	6.7	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.4	+0.49%	0.7	118,700	140.2	2,773	7.4	27.1	22.0%	Link
BID	Ngân hàng	31.6	-0.63%	0.9	246,181	92.1	4,524	7.0	–	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	31.2	-0.95%	1.0	242,329	121.0	5,479	5.7	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	22.3	-1.33%	1.0	145,103	342.8	2,932	7.6	32.7	19.3%	Link
MBB	Ngân hàng	19.0	-0.78%	0.9	191,306	126.5	3,507	5.4	32.4	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	16.2	-0.91%	0.8	60,840	60.5	1,673	9.7	14.0	5.9%	Link
STB	Ngân hàng	71.2	0.00%	0.9	134,227	63.2	809	88.0	–	10.1%	Link
TCB	Ngân hàng	21.3	-2.52%	1.0	226,405	186.4	2,694	7.9	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	12.7	-2.32%	1.0	40,355	196.8	2,649	4.8	–	21.9%	Link
VCB	Ngân hàng	53.2	-1.12%	0.9	444,522	172.3	4,986	10.7	–	19.7%	Link
VIB	Ngân hàng	13.8	-1.78%	0.7	51,548	76.0	2,070	6.7	23.0	4.2%	Link
VPB	Ngân hàng	21.7	-1.81%	1.0	217,000	158.1	3,118	7.0	36.5	22.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.4	+2.18%	1.1	7,069	78.4	2,348	7.0	28.8	1.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	71.5	+0.42%	1.0	104,417	188.0	6,243	11.4	100.4	25.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	53.6	0.00%	0.5	112,022	106.0	5,455	9.8	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.1	0.00%	1.0	177,724	217.0	3,251	6.5	32.2	21.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.7	-2.29%	1.0	8,597	32.8	772	13.8	14.3	3.2%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	40.8	+3.29%	1.0	9,113	53.3	4,269	9.6	28.7%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	147.0	0.00%	0.9	26,286	126.6	7,598	19.4	33.8%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	63.5	-1.09%	0.9	47,137	9.8	4,560	13.9	27.6%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.1	-0.98%	1.1	8,526	35.7	776	13.0	3.1%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	10.9	-1.35%	1.1	13,886	112.8	92	119.5	15.7%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	12.6	-4.20%	1.2	2,883	51.6	690	18.2	1.2%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	34.6	-1.14%	1.0	14,444	16.6	4,365	7.9	15.2%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	24.2	-3.00%	1.0	11,764	42.1	1,026	23.6	35.0%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	50.3	+0.80%	0.9	12,178	14.1	5,778	8.7	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	20.2	-2.88%	0.9	3,645	9.7	891	22.7	1.3%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.1	-3.33%	1.2	13,093	95.1	793	16.4	10.0%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	248.0	+2.06%	1.4	1,925,022	488.1	5,557	44.6	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	24.2	-0.21%	1.2	55,104	104.4	3,255	7.5	11.0%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	17.6	0.00%	1.0	4,099	3.4	1,687	10.4	35.3%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	138.5	-0.65%	0.9	106,519	168.5	2,866	48.3	5.3%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	32.8	-2.24%	0.9	42,375	38.8	3,022	10.8	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	16.6	+1.22%	0.9	15,354	30.7	976	17.0	8.0%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	18.8	-2.59%	1.1	7,161	13.0	1,054	17.8	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.8	-1.86%	1.1	15,815	43.4	1,562	10.1	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.2	-1.40%	1.5	27,740	132.4	762	27.8	5.6%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.3	-3.09%	1.0	34,610	126.6	4,184	12.7	37.6%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.0	-2.29%	0.9	9,016	25.7	6,594	7.1	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.9	-0.95%	0.9	10,804	68.0	2,977	7.0	15.5%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.4	-1.09%	0.8	9,166	10.6	2,174	20.9	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.4	-3.34%	1.3	7,394	65.6	3,302	4.4	23.7%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.9	-0.33%	0.9	1,753	7.7	1,741	8.6	48.0%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.7	-1.18%	1.0	2,150	6.3	3,692	4.5	22.3%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	19.4	-0.51%	0.8	13,225	13.1	2,320	8.4	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.8	-0.69%	1.1	115,200	21.7	2,111	13.6	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	16.1	-0.31%	1.3	30,083	40.7	103	157.4	0.8%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	37.1	+2.48%	0.5	110,978	1,919.4	4,048	9.2	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.9	-1.89%	0.6	27,957	33.9	2,365	5.5	1.1%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.6	-2.31%	0.8	32,309	81.7	1,482	7.1	18.8%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.7	-0.60%	1.1	4,446	7.9	2,961	5.6	1.7%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.4	+1.29%	0.5	12,708	101.8	252	124.5	3.0%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.6	-0.35%	0.5	54,637	16.4	3,623	11.8	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	50.7	-0.98%	0.8	10,619	12.4	5,503	9.2	17.5%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.2	-0.81%	1.0	6,031	103.4	494	24.8	5.1%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	129.3	+0.62%	0.3	10,585	4.2	15,292	8.5	81.7%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	71.8	-5.53%	1.1	8,029	81.8	7,145	10.1	48.5%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	60.6	-1.78%	1.0	7,763	6.4	5,223	11.6	5.3%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	31.4	-6.95%	1.1	3,730	39.7	3,735	8.4	18.4%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.5	-0.83%	0.9	5,464	20.7	1,241	7.7	10.3%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.2	-1.52%	0.9	7,686	69.1	2,352	6.9	8.1%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	14.8	-1.66%	0.9	10,368	69.2	1,607	9.2	2.1%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.0	-0.50%	1.1	17,934	6.3	4,003	10.0	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.7	0.00%	1.1	175,421	23.7	6,110	11.9	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.4	0.00%	1.1	6,674	42.6	1,999	8.2	15.7%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	-1.53%	1.1	39,422	169.3	2,353	5.5	4.7%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	48.5	-2.71%	0.5	30,266	32.6	4,420	11.0	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 11.2026: Cập nhật thông tin liên quan hoạt động cổ phần hóa thoái vốn DNNN giai đoạn 2026-2030	x		Xem
2	BSC Navigator | 10.2026: Hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP hơn 12% trong quý 4/2026	x		Xem
3	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
4	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
5	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
6	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Xem
7	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
8	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
9	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
10	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
11	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
12	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
13	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
14	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
16	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
17	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
18	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
19	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
20	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
21	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
22	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
23	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
24	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn